

Bản án số: **302 /2022/HC- ST**

Ngày: 30/12/2022

*V/v: Khiếu kiện Quyết định  
hành chính trong lĩnh vực quản  
lý đất đai.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***  
***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hồng Lam  
***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Trịnh Thị Hồng Thủy  
Ông Nguyễn Thái Hà

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:***  
Bà **Phan Thị Tình** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm đã thụ lý số 39/TLST-HC ngày 05/4/2021 về việc khiếu kiện đối với các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2022/QĐXX-ST ngày 09/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2022/QĐ – ST ngày 20/12/2022, giữa các đương sự:

**\*Người khởi kiện:**

Ông **Nguyễn Đình Anh D**, sinh năm 1971

*Nơi ở tại:* Thôn M 1, xã TX, huyện T, Thành phố Hà Nội.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông **Đình Anh T** và ông **Nguyễn Văn TH** – Luật sư Công ty Luật hợp danh TQ, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

**\*Người bị kiện:**

**1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, Hà Nội;**

*Trụ sở làm việc:* Thị trấn Q, huyện T, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện ủy quyền:* Ông **Nguyễn Kim L** – Phó Chủ tịch.

**2. Ủy ban nhân dân huyện T**

*Trụ sở làm việc:* Thị trấn Q, huyện T, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện ủy quyền:* Ông **Nguyễn Kim L** – Phó Chủ tịch.

**\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**1. Ủy ban nhân dân xã TX, huyện T, thành phố Hà Nội;**

**2. Công ty TNHH một thành viên thủy lợi ST;**

*Trụ sở làm việc:* Xã V, thị xã S, thành phố Hà Nội

**3. Bà Hoàng Thị T**, sinh năm 1974;

**4. Ông Nguyễn Đình H**, sinh năm 1996;

**5. Ông Nguyễn Đình Đ**, sinh năm 1999.

*Cùng nơi ở:* Thôn M 1, xã TX, huyện T, thành phố Hà Nội.

*Đại diện ủy quyền của bà Thanh, anh Hùng, anh Đức:* Ông **Nguyễn Đình Anh D**, sinh năm 1971

*Nơi ở tại:* Thôn M 1, xã TX, huyện T, Thành phố Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ngày 30/04/2000, ông Nguyễn Đình Anh D (tên gọi khác Nguyễn Đình D) địa diện cho hộ gia đình đã ký hợp đồng sử dụng mặt nước kinh doanh nuôi trồng thủy sản hồ TX với Công ty thủy lợi P Đ (nay là Công ty TNHH MTV thủy lợi ST) diện tích thuê thau 100ha, thời hạn 10 năm kể từ 30/04/2000 đến 30/04/2010. Hết hạn hợp đồng, ngày 26/6/2010, Xí nghiệp thủy lợi huyện T được Công ty TNHH một thành viên thủy lợi ST ủy quyền phân cấp tiếp tục ký hợp đồng số 29/HĐ-NTTS về sử dụng mặt nước nuôi trồng và đánh bắt thủy sản hồ TX với ông Nguyễn Đình Anh D thuê mặt nước Hồ TX, thời hạn hợp đồng là 03 năm 6 tháng kể từ ngày 26/6/2010 đến ngày 31/12/2013 với diện tích 37,1 ha.

Vào ngày 20/12/2011 Xí nghiệp thủy lợi huyện T và ông D ký Phụ lục Hợp đồng số 01 điều chỉnh diện tích thuê thau nộp thuế là 83,5 ha nuôi trồng thủy sản.

Thực hiện Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 09/4/2002 của UBND tỉnh Hà Tây về việc thu hồi 1.298,86 ha đất thuộc địa bàn các xã TX, HB, TH, BY, huyện T giao Ban quản lý khu Công nghệ cao H quản lý, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu Công nghệ cao H ( trong đó có 100ha diện tích hồ TX do Công ty TNHH MTV thủy lợi ST quản lý và sử dụng thuộc dự án ODA theo Quyết định số 621/QĐ-TTg ngày 23/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ). Tuy nhiên, do diện tích thuê thau chưa nằm trong kế hoạch giải phóng mặt bằng nên ông D vẫn tiếp tục thực hiện cho đến khi hết hạn hợp đồng.

Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định số 8116/QĐ-UBND ngày 10/12/2013 thành lập tổ công tác kiểm đếm thu hồi Hồ TX xây dựng Khu Công nghệ cao H. Ông D đã kê khai tài sản, diện tích đất bị thu hồi. Ngày 20/12/2013 tại Biên bản kiểm đếm nghiệm thu kê khai tài sản của Tổ công tác số 01.BB có ghi nhận tài sản đầu tư gồm công trình xây dựng nhà ở, khối lượng đắp đê, diện tích nuôi trồng thủy sản nhờ vụ 83,5ha cá gồm 76,5 ha cá thịt, 07 ha cá giống, thu hoạch vào tháng 05 hàng năm.

Theo yêu cầu của Công ty và Xí nghiệp quản lý hồ ngày 15/11/2013, ông D phải bàn giao hồ TX vào ngày 31/12/2013, hộ gia đình ông D đã nghiêm chỉnh

chấp hành, có xác nhận của Xí nghiệp thủy lợi và Ủy ban nhân dân xã TX là hộ gia đình ông D đã bàn giao toàn bộ diện tích hồ TX ngày 31/12/2013 đúng quy định.

Riêng về thanh lý hợp đồng, ông D có đơn xin chậm nộp thuế và thanh lý chậm có lý do khách quan đột xuất.

Hàng năm có nộp Thủy lợi phí theo quy định từ năm 2000 - 2012, có biên lai nộp Thủy lợi phí, có Biên bản xác nhận của Công ty về số tiền nộp được quyết toán nhà nước.

Ngày 30/12/2016, Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định số 14708/QĐ – UBND phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình ông D, tổng kinh phí 555.599.000đ. Phiếu chi TT106 ngày 17/01/2017. Trong quyết định phê duyệt phần đơn giá hỗ trợ khối lượng đắp đê bị nhầm áp giá sai không đúng quy định và không có bồi thường hỗ trợ thiệt hại việc nuôi trồng thủy sản 83,5 ha cá bị nhỡ vụ. Do không đảm bảo quyền lợi hộ ông D tiếp tục có đơn khiếu nại.

Thời gian từ cuối năm 2013 đến tháng 09/2016, sau khi thu hồi đất, kiểm kê tài sản, Ủy ban nhân dân huyện T đã chỉ đạo bàn giao mặt bằng xung quanh hồ TX nhưng không ra quyết định phê duyệt bồi thường hỗ trợ tài sản cho hộ gia đình ông D, buộc ông Nguyễn Đình D phải có đơn đề nghị lên Ủy ban nhân dân huyện, đơn lên Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, có đơn lên các cơ quan Trung ương.

Sau đó, hộ gia đình ông D phải làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, vào ngày 03/06/2016, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định thụ lý khiếu nại lần đầu số 1907-TB - UBND nhưng sau đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo đúng quy định pháp luật, mặc dù có tổ chức đối thoại nhưng chỉ làm văn bản đề nghị lên cấp trên đề xuất ý kiến, không giải quyết theo thẩm quyền quy định pháp luật.

Vào năm 2020, hộ ông D tiếp tục có đơn khiếu nại. Ngày 18/9/2020 Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định thụ lý khiếu nại số 1660. Ngày 02/03/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 606/QĐ-UBND. Việc thụ lý và giải quyết khiếu nại bị chậm là không đúng quy định pháp luật về giải quyết khiếu nại.

Tuy nhiên, ông Nguyễn Đình Anh D không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T tại Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 và các quyết định hành chính do UBND huyện T ban hành về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất khi bị thu hồi đất nên tiếp tục có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

+ Huỷ một phần các Quyết định sau:

-*Một phần Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông D;*

-Một phần Quyết định số 14708/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện T về Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB tài sản trên do hộ ông Nguyễn Đình D đầu tư xây dựng trên đất nhận thầu của Công ty TNHH MTV Thủy lợi ST nằm trong chỉ giới GPMB khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường hỗ trợ GPMB cho toàn bộ phân diện tích khu CNC H trên địa bàn huyện T, thành phố Hà Nội (thuộc nguồn vốn trái phiếu chính phủ - ODA, địa bàn xã TX);

-Một phần Quyết định số 12107/QĐ – UBND ngày 29/11/2016 của UBND huyện T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB trạm biến áp và đường điện do hộ ông Nguyễn Đình D đầu tư xây dựng trên đất được giao nằm trong chỉ giới GPMB khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường hỗ trợ GPMB cho toàn bộ phân diện tích khu CNC H trên địa bàn huyện T, thành phố Hà Nội (thuộc nguồn vốn trái phiếu chính phủ - ODA, địa bàn xã TX).

-Buộc Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định phê duyệt bồi thường hỗ trợ tài sản bị thiệt hại hồ cá năm 2013, diện tích 83,5 ha. Phê duyệt bổ sung công trình trạm điện, phê duyệt thiếu theo kết quả thẩm định của Sở công thương, đề nghị phê duyệt diện tích đất khai hoang 5.560m, đề nghị phê duyệt bồi thường khối lượng đắp đê cho gia đình ông Nguyễn Đình Anh D 1.011,98m<sup>3</sup>. Phê duyệt đơn giá 6.784,8m<sup>3</sup> đắp đê được chấp nhận trong giải trình khiếu nại.

Lý do ông D đưa ra là:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ra quyết định trả lời khiếu nại chậm và không bồi thường hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông D thiệt hại hồ cá 83,5 ha. Không phê duyệt bồi thường hỗ trợ bổ sung trạm điện và hệ thống dây dẫn điện, Ủy ban nhân dân huyện T không bồi thường hỗ trợ 5560m<sup>2</sup> đất khai hoang và cắt bỏ 1.011,98m<sup>3</sup> đắp đê khu vực khai hoang là vi phạm Điều 42 Luật Đất đai 2003; Khoản 2 Điều 77, Khoản 3 Điều 89, Điểm b Khoản 2 Điều 90 Luật Đất đai năm 2013; vi phạm Khoản 2 Điều 710 Bộ luật dân sự năm 2005; vi phạm điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011.

Quyết định giải quyết khiếu nại Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã chấp nhận một nội dung khiếu nại đúng là phê duyệt nhằm đơn giá 6.784,8m<sup>3</sup> đắp đê, chấp nhận phê duyệt bổ sung cho hộ ông D. Tuy nhiên, nội dung áp mã mới để tính bồi thường cho hộ ông D là mã AB.65110 là không phù hợp thực tế, không đúng theo quyết định số 5481/QĐ-UBND ngày 24/11/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về đơn giá xây dựng. Mã đúng mà hộ ông D được áp phải là mã AB.13200 (đắp bờ kênh mương) với đơn giá là: 113.500 đồng/1m<sup>3</sup> + đơn giá vận chuyển trong phạm vi 10m (mã AB.11913) 6969 đồng/1m<sup>3</sup> = 120.469 đồng/1 m<sup>3</sup> (làm tròn là 120.000 đồng/1m<sup>3</sup>).

Ủy ban nhân dân huyện T vi phạm quy định của Sở tài chính thành phố Hà Nội tại thông báo số 7495/STC-BG ngày 30/12/2013 tại mục 2, phần A bồi thường

thiệt hại vật nuôi trên đất có mặt nước (chưa đến thời kỳ thu hoạch phải thu hoạch sớm, được bồi thường thiệt hại).

- Ủy ban nhân dân huyện T không chấp hành mệnh lệnh hành chính của cấp trên là Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các Sở, Phòng ban Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chỉ đạo 7 văn bản, Ủy ban nhân dân huyện T vi phạm về quyết định phân cấp ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố cho cấp huyện đã trình bày trên.

**\*Người bị kiện là Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:**

Về quá trình giải quyết khiếu nại năm 2016 của ông D:

Sau khi nhận đơn khiếu nại ngày 03/6/2016 của ông D, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành thông báo số 1907/TB-UBND về việc thụ lý nội dung khiếu nại. Quyết định số 3181/QĐ- UBND ngày 03/6/2016 về việc xác minh nội dung khiếu nại của của ông D. Các nội dung khiếu nại được thụ lý gồm:

1. Tại thửa đất số 16, thuộc tờ bản đồ số 31 (bản đồ thu hồi đất khu công nghệ cao H), có tổng diện tích 53.868m đã được UBND tỉnh Hà Tây trước đây phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB tại Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 25/9/2007, có:

- Khiếu nại không bồi thường 406,45m đào đất ao, hồ để đắp nền bằng thủ công.

- Khiếu nại bồi thường thiếu 16 cột đèn chiếu sáng (kiểm đếm 17 cột đèn chiếu sáng bằng sắt cao <01 mét.

- Khiếu nại không hỗ trợ giải thể doanh nghiệp, hỗ trợ người lao động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiên Đức bị mất việc làm do bị thu hồi thửa đất có Trụ sở Chi nhánh Công ty hoạt động; trong đó:

  - + Không hỗ trợ giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiên Đức;

  - + Không hỗ trợ 75 người lao động tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiên Đức do bị mất việc làm.

- Khiếu nại không được cấp đất tái định cư do hộ gia đình ông Nguyễn Đình D đã bị thu hồi thửa đất số 16, thuộc tờ bản đồ 31 từ năm 2007.

2. Khiếu nại không bồi thường hệ thống trạm điện và đường điện mà UBND TP Hà Nội đã có chỉ đạo.

3. Khiếu nại không được bồi thường, hỗ trợ các công trình phục vụ hoạt động của hồ cá.

Kết quả giải quyết các nội dung khiếu nại:

Nội dung khiếu nại không được cấp đất tái định cư do hộ ông Nguyễn Đình D đã bị thu hồi thửa đất số 16, thuộc tờ bản đồ 31 từ năm 2007:

Ngày 25/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 8038/QĐ - UBND về việc giao đất ở để thực hiện Phương án bồi thường, hỗ trợ và

tái định cư cho hộ ông D (vợ là Hoàng Thị T), địa chỉ thường trú: Đội 5, xã TX, huyện T, thành phố Hà Nội tại khu Tái định cư Nam đường tỉnh lộ 420 thuộc địa bàn xã Bình Yên, huyện T: diện tích 300m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 57, số lô B2. Ngày 16/11/2018, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phối hợp với UBND xã Bình Yên đã giao đất tại thực địa cho hộ ông D (Biên bản giao đất trên thực địa ngày 16/11/2018).

- Nội dung khiếu nại không bồi thường hệ thống trạm điện và đường điện mặc dù Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã có chỉ đạo:

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tại Văn bản số 7797/UBND- TNMT ngày 30/10/2015 về việc chính sách hỗ trợ đối với trạm biến áp và đường dây điện khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án khu Công nghệ cao H, huyện T, ngày 29/11/2016, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 12107/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và GPMB trạm biến áp và đường điện do hộ ông Nguyễn Đình D đầu tư xây dựng nằm trong chỉ giới GPMB cho toàn bộ diện tích khu CNC H để thực hiện dự án xây dựng khu CNC H: Với số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 1.221.473.000 đồng. Ngày 13/12/2016, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện (nay là Trung tâm phát triển quỹ đất huyện) đã chi trả cho hộ ông D số tiền bồi thường, hỗ trợ: 1.221.473.000 đồng (Phiếu chi tiền ngày 13/12/2016). Tuy nhiên, ông D không đồng ý với phương án mà Ủy ban nhân dân huyện T đã phê duyệt theo ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và tiếp tục có đơn khiếu nại.

- Về nội dung khiếu nại không được bồi thường, hỗ trợ các công trình phục vụ hoạt động của hồ cá, gồm nhà trông coi, nhà bảo vệ: Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tại Văn bản số 7151/UBND-ĐT ngày 15/12/2016 về việc giải quyết vướng mắc giải phóng mặt bằng khu Công nghệ cao H, ngày Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 14708/QĐ-UBND 30/12/2016 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với tài sản do hộ ông D đầu tư xây dựng trên đất nhận thầu của Công ty TNHH MTV Thủy lợi ST nằm trong chỉ giới giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho toàn bộ phần diện tích khu Công nghệ cao H trên địa bàn huyện T, thành phố Hà Nội (thuộc nguồn vốn trái phiếu Chính phủ-ODA, địa bàn xã TX): với số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 555.599.000 đồng. Ngày 17/01/2017, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện (nay là Trung tâm phát triển đất huyện) đã chi trả cho hộ ông D số tiền bồi thường, hỗ trợ: 555.599.000 đồng. Trong phương án bồi thường, hỗ trợ của hộ ông Nguyễn Đình D kèm theo Quyết định số 14708/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện có phần đào đắp đê (6.784m<sup>3</sup>) với giá trị 25.125.169 đồng (UBND huyện T đã phê duyệt cho hộ với mức hỗ trợ 80% là: 20.100.135 đồng), tuy nhiên hộ ông D chưa

nhất trí với mức hỗ trợ: 20.100.135 đồng và tiếp tục kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết.

- *Nội dung khiếu nại liên quan đến việc bồi thường hỗ trợ do bị lỗi 01 vụ cá:*

Ngày 15/12/2016, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Văn bản số 7151/UBND-ĐT về việc giải quyết vướng mắc GPMB khu Công nghệ cao H (dự án ODA), địa bàn huyện T, trong đó chỉ đạo: Đồng ý với đề nghị của Liên ngành... tại Tờ trình số 833/TTTrLN-BCĐ-TNMT-TC-XD-UBND ngày 07/11/2016 về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ..tài sản, công trình trên đất xung quanh hồ TX (ông D ký hợp đồng thuê mặt nước với Công ty TNHH MTV Thủy lợi ST). Tờ trình số 833/TT.LN-BCĐ-TNMT-TC-XD-UBND ngày 07/11/2016. Ngày 21/3/2018, UBND huyện T tiếp tục có Văn bản số 425/UBND-TTPTQĐ về việc đề nghị giải quyết chính sách BTHT khi thu hồi diện tích đất của hộ ông D thuộc dự án ĐTXD khu CNC H gửi UBND thành phố Hà Nội.

Ngày 03/4/2018, tại trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố, đồng chí Phó Chủ tịch UBND thành phố Nguyễn Quốc Hùng đã chủ trì họp xem xét đề nghị của UBND huyện T tại Văn bản số 425/UBND-TTPTQĐ về việc đề nghị giải quyết chính sách BTHT khi thu hồi diện tích đất của hộ ông D thuộc dự án ĐTXD khu CNC H. Ngày 16/4/2018, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Thông báo số 75/TB- UBND kết luận của Phó Chủ tịch UBND Thành phố Nguyễn Quốc Hùng tại cuộc họp về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất hồ TX và di chuyển trạm biến áp do hộ gia đình đầu tư tại xã TX (huyện T) để thực hiện dự án Khu công nghệ cao H, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo: “Về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất hồ TX: Giao Thanh tra Thành phố rà soát lại toàn bộ hồ sơ về việc sử dụng đất, việc cho thuê đất mặt nước...Căn cứ kết quả rà soát Thanh tra Thành phố *hướng dẫn UBND huyện T giải quyết theo đúng quy định, kịp thời báo cáo* Ngày 28/5/2018, Văn phòng UBND thành phố ban hành Văn bản số 3889/VP-ĐT UBND Thành phố *những nội dung vượt thẩm quyền... về việc chuyển đơn của ông Nguyễn Đình D ở Đội 5, xã TX, huyện T đến Thanh tra Thành phố, UBND huyện T để xem xét theo nội dung chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND thành phố Nguyễn Quốc Hùng tại Thông báo kết luận số 75/TN-VP thành phố có Văn bản số 5081/TTTP-P6 về kết quả rà soát toàn bộ hồ sơ về việc sử dụng đất, ngày 16/4/2018 của Văn phòng UBND Thành phố. Ngày 17/10/2018, Thanh tra Thành phố việc cho thuê đất mặt nước, việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ tài sản, công trình trên đất xung quanh hồ TX báo cáo UBND thành phố. Ngày 07/11/2018, Văn phòng UBND thành phố ban hành Văn bản số 8741/VP-ĐT về việc giải quyết vướng mắc về BTHT GPMB hồ TX thuộc Dự án Khu Công nghệ cao H, địa bàn huyện T, thể hiện: “Sau khi xem xét đề xuất của Thanh tra Thành phố tại văn bản số 5081/TTTP-PO kết quả rà soát toàn bộ hồ sơ về việc sử dụng đất, việc cho thuê*

*đất mặt nước, việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ tài sản, công trình trên đất xung quanh hồ TX (hộ ông Nguyễn Đình D ký hợp đồng thuê mặt nước với Công ty TNHH MTV Thủy lợi ST). Theo đó, Thanh tra Thành phố thống nhất với đề xuất của liên ngành tại Tờ trình số 833/TTrLN ngày 07/11/2016 và được UBND Thành phố đồng ý tại văn bản số 7151/UBND-ĐT ngày 15/12/2016, Phó Chủ tịch UBND Thành phố Nguyễn Quốc Hùng có ý kiến như sau UBND huyện T thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại văn bản số 7151/UBND-ĐT ngày 15/12/2016, báo cáo UBND thành phố kết quả thực hiện”*

Về nội dung chỉ đạo nêu trên của UBND Thành phố Hà Nội tại Văn bản số 8741/VP-ĐT ngày 07/11/2018 đã được UBND huyện T phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông D vào năm 2016. Tuy nhiên, hộ ông Nguyễn Đình D vẫn chưa đồng ý và thường xuyên có đơn kiến nghị gửi các cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết quyền lợi.

Ngày 10/11/2017, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức hội nghị đối thoại với ông D để tiếp tục làm rõ một số nội dung liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu Công nghệ cao H. Tại hội nghị đối thoại và tại buổi làm việc với Thanh tra huyện ngày 09/4/2018 (theo ý kiến chỉ đạo của UBND huyện), ông D có ý kiến: Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết và trả lời ông đối với 02 nội dung ông đã khiếu nại: Bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích khai hoang 5.000m đất thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số (diện tích 53.686m<sup>2</sup>) khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu Công nghệ cao H; bồi thường, hỗ trợ đối với 8.000m<sup>3</sup> đào đắp đê theo đơn giá là 80%. Sau khi kiểm tra, rà soát thì 02 nội dung này không có trong đơn khiếu nại năm 2016 của ông D (đã được Chủ tịch UBND huyện T thụ lý tại Thông báo số 1907/TB-UBND ngày 03/6/2016). Ngày 07/12/2017, UBND huyện ban hành Văn bản số 2650/UBND-TTr về việc đôn đốc các cơ quan tham mưu giải quyết kiến nghị của công dân. Hiện tại, UBND huyện T giao Trung tâm phát triển quỹ đất huyện chủ trì, phối hợp với UBND xã TX, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện kiểm tra, rà soát để tham mưu cho UBND huyện giải quyết các kiến nghị nêu trên của ông Nguyễn Đình D (tại hội nghị đối thoại ngày 10/11/2017 và tại đơn tiếp tục khiếu nại đề ngày 18/5/2020) theo đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, đơn tiếp tục khiếu nại đề ngày 18/5/2020 của ông D có những nội dung kiến nghị (bồi thường đối với phần diện tích khai hoang 5.560m<sup>3</sup> thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 31; đối với 8.000mm<sup>3</sup> đào đắp đê; phê duyệt tiền thuê nhà ở do bàn giao mặt bằng sớm cho nhà nước từ 2007-2008 với 04 nhân khẩu của hộ ông Nguyễn Đình Anh D) đang được UBND huyện T chỉ đạo Trung tâm phát triển quỹ đất huyện chủ trì, phối hợp với UBND xã TX, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện xem xét, tham mưu, nay Chủ tịch UBND huyện T tiếp tục giải quyết

khiếu nại đối với đơn tiếp tục khiếu nại đề ngày 18/5/2020 của ông D. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND huyện, ngày 20/3/2020, Ban Tiếp công dân huyện có Công văn số 123/PC-BTCD chuyển đơn kiến nghị của ông D (đối với 02 nội dung nêu trên) đến Trung tâm phát triển quỹ đất huyện kiểm tra, xem xét để tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện giải quyết và trả lời công dân theo quy định của pháp luật.

2. Việc Chủ tịch UBND huyện T giải quyết đơn khiếu nại năm 2020 của ông D.

- Việc tiếp nhận và thụ lý đơn khiếu nại: Trong quá trình các cơ quan chuyên môn của UBND huyện đang kiểm tra, rà soát để tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện trả lời các kiến nghị nêu trên của ông Nguyễn Đình Anh D, Chủ tịch UBND huyện T nhận được Phiếu chuyển đơn số 581-CV/BNCTU/nc ngày 29/7/2020 của Ban Nội chính Thành ủy và Phiếu chuyển đơn số 1134/PC-BTCD ngày 09/7/2020 của Ban Tiếp công dân thành phố (kèm theo đơn tiếp tục khiếu nại đề ngày 18/5/2020 của ông Nguyễn Đình Anh D). Ngày 06/8/2020, Ban Tiếp công dân huyện T có Công văn số 264/PC-BTCD về việc tham mưu giải quyết đơn của ông D chuyển Thanh tra huyện tham mưu. Ngày 08/9/2020, Thanh tra huyện T làm việc với ông D để làm rõ một số nội dung liên quan đến đơn khiếu nại của công dân. Ngày 18/9/2020, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Thông báo số 1660/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 4554/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 30/10/2020, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 5360/QĐ-UBND về việc gia hạn thời gian xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 02/3/2021, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 606/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông D, đội 5, xã TX, huyện T, Hà Nội (Lần đầu).

Kết quả giải quyết: sau khi kiểm tra, rà soát lại hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đối với 6.784,8m đào đắp kè bờ khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông D, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện và phòng Quản lý đô thị huyện xác định trong quá trình sử dụng phần mềm chuyên ngành để tính toán áp giá, thẩm định đã nhầm mã đơn giá theo quy định của thành phố Hà Nội tại thời điểm phê duyệt, cụ thể:

- Mã đơn giá đã áp dụng: BB.1242 theo Quyết định số 24/1999/QĐ-UB ngày 15/4/1999 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng cơ bản Thành phố Hà Nội.

Mã đơn giá đúng phải áp dụng: AB.65110 theo Quyết định số 5481/QĐ-UBND ngày 24/11/2011 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố đơn giá xây dựng công trình thành phố Hà Nội - Phần xây dựng.

Như vậy, nội dung ông D khiếu nại việc UBND huyện T phê duyệt chưa đúng đơn giá theo quy định đối với 6.784,8m<sup>3</sup> đào đắp đê, là đúng.

Các nội dung khiếu nại khác không có cơ sở.

Do vậy, Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện T giữ nguyên các quyết định hành chính và các văn bản hành chính đã ban hành đối với hộ ông D. Đề nghị Toà án bác các yêu cầu khởi kiện của ông D.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH MTV thủy lợi ST** trình bày về quá trình ký hợp đồng sử dụng mặt nước hồ TX. Xí nghiệp thủy lợi T đã có thông báo yêu cầu ông Nguyễn Đình Anh D thực hiện thu hoạch cá để thanh lý hợp đồng bàn giao mặt nước hồ cho khu công nghệ cao H trước ngày 31/12/2013 (thông báo ngày 13/11/2013). Hộ gia đình ông D đã chấp hành nghiêm túc bàn giao mặt nước hồ từ ngày 31/12/2013.

Công ty xác nhận: do thời gian đánh bắt cá trên hồ ngắn, trùng thời điểm mực nước hồ cao nên đến thời gian bàn giao mặt nước hồ ngày 31/12/2013 gia đình ông D có gặp khó khăn trong việc thu hoạch sản phẩm. Công ty đã có một số văn bản báo cáo và đề nghị các cơ quan, ban ngành thành phố căn cứ vào chính sách hiện hành xem xét việc giải quyết hỗ trợ 01 vụ cá bị lỗ năm 2013 đối với gia đình ông D để giảm thiểu thiệt hại về thủy sản khi bàn giao mặt bằng cho nhà nước để thực hiện dự án khu công nghệ cao H. Ủy ban nhân dân xã TX cũng có văn bản số 15.UBND-ĐC ngày 16/3/2018 với nội dung đề xuất Ủy ban nhân dân huyện T báo cáo cấp trên xem xét việc bồi thường hỗ trợ vụ cá năm 2013 diện tích 83,5ha, bồi thường hỗ trợ trạm điện cho hộ gia đình ông D.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thanh, anh Hùng, anh Đức :** Thống nhất với lời khai của ông Nguyễn Đình Anh D.

**Tại phiên tòa:** Ông D rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết buộc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường hỗ trợ đối với diện tích đất khai hoang 5.560m<sup>2</sup>, bồi thường khối lượng đắp đê 1.011,98m<sup>3</sup> và không yêu cầu bồi thường về việc chậm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ gây thiệt hại cho gia đình ông D.

Đối với các yêu cầu khởi kiện còn lại ông D trình bày:

1. Nội dung thứ nhất: Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T phê duyệt 83,5 ha Hồ cá bị nhỡ vụ theo quy định của Sở tài chính tại thời điểm phê duyệt, căn cứ thông báo của Sở Tài chính số 7495/STC-BG ngày 30/12/2013. Căn cứ theo điểm b, Khoản 2, Điều 90 Luật đất đai năm 2013.

Cụ thể: Tại quyết định 14708/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T đã phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng tại hồ TX đối với hộ ông D đầu tư đã không phê duyệt bồi thường hỗ trợ diện tích, nuôi cá thịt 76,5 ha x 10.000 đồng/m<sup>2</sup>) = 7.650.000.000 đồng.

Bồi thường diện tích nuôi cá giống 7h x 15.000đ/m<sup>2</sup> = 1.050.000.000 đồng.

Tổng diện tích hồ cá 83,5 ha bị nhỡ vụ phải bồi thường 8.700.000.000 đồng.

Ông D yêu cầu phê duyệt đúng đơn giá 6784m3 đắp đê bằng thủ công được chấp nhận trong quá trình giải quyết khiếu nại.

Nội dung thứ 2: Tại quyết định số 12107/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T đã phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ trạm biến áp và đường dây điện cho hộ ông Nguyễn Đình D đầu tư xây dựng nhưng áp giá bồi thường không đúng quy định. Tổng giá trị dự toán xây dựng là 4.033.180.835đ. Tổng giá trị thẩm định phê duyệt của Sở Công thương là 2.691.928.000 đồng. Kinh phí bồi thường hỗ trợ: 1.370.819.000 đồng

Hộ ông D thực đã nhận: 1.221.473.000 đồng.

Yêu cầu phê duyệt bồi thường bổ sung trạm điện, hệ thống đường điện ông D xây dựng theo quy định theo Khoản 3, điều 89 Luật đất đai năm 2013. Căn cứ văn bản của Sở công thương thông báo cho hộ ông D, thẩm quyền phê duyệt công trình thuộc Ủy ban nhân dân huyện T. Cần phê duyệt bổ sung theo đúng dự toán của Sở Công thương.

Ông D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện còn lại của ông.

Người bảo vệ quyền lợi và hợp pháp cho ông D là Luật sư Đinh Anh Tuấn và Luật sư Nguyễn Văn Thăng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi văn bản nêu quan điểm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D vì các yêu cầu này phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ giải quyết vụ án và các quy định của Luật Đất đai, Luật Khiếu nại.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa:** Hoạt động thụ lý và tiến hành tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử là đúng quy định; đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, căn cứ điều 62, 66, 69, 71, 74, 75, 88, khoản 3 điều 89, điểm b khoản 2 điều 90 Luật đất đai 2013; điều 18 Luật khiếu nại; Nghị quyết 326/2016 về án phí của Quốc hội, chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình D về Huỷ một phần các Quyết định sau:

Một phần Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại; Một phần Quyết định số 14708/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện T về Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB tài sản trên đất và một phần Quyết định số 12107/QĐ – UBND ngày 29/11/2016 của UBND huyện T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB trạm biến áp và đường điện do hộ ông Nguyễn Đình D đầu tư xây dựng trên đất được giao nằm trong chỉ giới GPMB khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường hỗ trợ GPMB cho toàn bộ phân diện tích khu CNC H trên địa bàn huyện T, thành phố Hà Nội (thuộc nguồn vốn trái phiếu chính phủ - ODA, địa bàn xã TX) về các nội dung không bồi thường, hỗ trợ 01 vụ cá bị lỡ vụ khi nhà nước

thu hồi đất, phần bồi thường, hỗ trợ công trình trạm điện và toàn bộ hệ thống đường dây tải điện.

Buộc UBND huyện T ban hành Quyết định phê duyệt bồi thường hỗ trợ tài sản bị thiệt hại 01 vụ cá bị lỗ vụ năm 2013, diện tích 83,5 ha và phê duyệt bồi thường bổ sung phần công trình trạm điện cùng toàn bộ hệ thống đường dây tải điện.

Đối với phần yêu cầu bồi thường, hỗ trợ phần đào đắp kè bờ 6.784,8m<sup>3</sup>, tại phiên tòa ông D chưa làm rõ và xuất trình các tài liệu, chứng cứ có căn cứ nên chưa đủ điều kiện áp mã giá bồi thường như đề nghị của ông D nên không có cơ sở để chấp nhận. Sau này, ông D cung cấp được tài liệu chứng cứ thì đề nghị UBND huyện T xem xét lại phương án bồi thường để đảm bảo quyền lợi cho hộ gia đình ông D.

Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện ông D đã rút tại phiên tòa.

- Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông D được chấp nhận nên ông D không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Chủ tịch và UBND huyện T mỗi bên phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

### **[1] Về tố tụng:**

Đối tượng khởi kiện là các Quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T là các quyết định hành chính được ban hành trong quá trình thực hiện giải phóng mặt bằng trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 3 và Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đình Anh D đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Người bị kiện là Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Quá trình giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã TX không cung cấp các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, không tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu thu thập được từ người khởi kiện, người bị kiện và những người có liên quan khác để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Người bị kiện là Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Ủy ban nhân dân xã TX vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy

định tại khoản 2 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Toà án vẫn tiến hành xét xử.

Tại Phiên tòa, do ông D rút một phần yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết đối với phần ông D rút yêu cầu và đề nghị Toà án không xem xét, giải quyết đối với phần đã rút yêu cầu khởi kiện này.

**[2] Xét trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các Quyết định bị khởi kiện:**

**[2.1]** Xét thẩm quyền và thủ tục ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Đình Anh D:

Thực hiện việc thu hồi đất nhằm phục vụ lợi ích công cộng, khi ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi, Ủy ban nhân dân huyện T đã thực hiện các thủ tục như sau: Ban hành thông báo thu hồi đất, thành lập Hội đồng bồi thường và tổ công tác giải phóng mặt bằng, niêm yết công khai các văn bản pháp lý về thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, phát tờ kê khai đến người sử dụng đất nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng, lập biên bản điều tra, kiểm đếm hiện trạng sử dụng đất, xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, lập Phương án bồi thường chi tiết đối với từng hộ gia đình, các nhân có đất bị thu hồi. Trên cơ sở đã thực hiện xong các nội dung nêu trên, việc ban hành các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông D là đúng thẩm quyền và cơ bản phù hợp về trình tự, thủ tục quy định tại Điều 66, Điều 67, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

**[2.2]** Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành là đúng thẩm quyền quy định tại điều 17, 18 Luật khiếu nại.

Về trình tự ban hành: Từ năm 2016 ông D đã có khiếu nại nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T chưa ban hành giải quyết khiếu nại. Quá trình giải quyết khiếu nại đến ngày 18/5/2020 ông D tiếp tục có đơn khiếu nại trong đó có thêm các nội dung khiếu nại mới, nhưng đến ngày 02/3/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T mới ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu quy định tại điều 28 Luật khiếu nại.

**[3] Xét nội dung các Quyết định bị khởi kiện:**

**[3.1] Về bồi thường sản lượng cá bị lỡ vụ thu hoạch:**

- Ngày 30/4/2000, Công ty QLCTTL phù sa Đồng Mô ký hợp đồng sử dụng mặt nước kinh doanh nuôi trồng đánh bắt thủy sản hồ TX, huyện T, với ông ông Nguyễn Đình D. Thời hạn thuê 10 năm đến 30/4/2010, diện tích 100ha.

- Ủy ban nhân dân huyện T căn cứ Quyết định 404/QĐ-UBND ngày 09/04/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây để thu hồi diện tích 100ha hồ TX. Tuy nhiên dự án chưa thực hiện trên thực tế.

- Ngày 29/6/2010 Công ty thủy lợi ST trên cơ sở sự phân cấp quản lý một số mặt công tác cho các xí nghiệp thủy lợi đã ký Hợp đồng số 29/HĐ-NTTS cho ông D thuê diện tích mặt nước bình quân 53 ha, thời hạn 36 tháng đến hết ngày 31/12/2013. Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 20/12/2011 điều chỉnh diện tích nuôi trồng thủy sản là 83,5 ha.

Điều 6 Hợp đồng số 29/HĐ-NTTS ngày 29/6/2010 quy định: *Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu cơ quan có thẩm quyền cấp trên do yêu cầu cần thay đổi nhiệm vụ khai thác của hồ hoặc dùng hồ vào các hoạt động mục đích khác thì bên A sẽ thông báo trước cho bên B trước 3 tháng để bên B có trách nhiệm tự thu hồi sản phẩm và thanh lý hợp đồng, bàn giao trả cho bên A. Không có bồi thường bất cứ một khoản chi phí nào cho bên B và bên B không được nhận bất kỳ một khoản đền bù nào của nhà nước hoặc đơn vị được nhận bàn giao hồ.*

Mặc dù thời hạn quy định đến ngày 31/12/2013 là hết hạn hợp đồng thuê mặt nước. Tuy nhiên cần xem xét mặc dù dự án có quyết định thu hồi từ năm 2002 nhưng không thực hiện thu hồi diện tích mặt nước, mặt đất trên thực tế. Người dân vẫn tiếp tục sử dụng diện tích mặt bằng trong chỉ giới dự án và nếu không thu hồi thực hiện dự án thì việc sử dụng mặt đất mặt nước của người dân vẫn được sử dụng ổn định. Và hộ ông D cũng đã sử dụng ổn định diện tích mặt nước thuê thầu từ năm 2000 đến ngày 31/12/2013 với quá trình sử dụng là 13 năm, khi được thông báo bàn giao mặt cũng không đủ thời hạn 03 tháng nên không chủ động được trong việc sản xuất thả cá, vì vậy khi bị bàn giao mặt bằng cần xem xét bồi thường, hỗ trợ thiệt hại thực tế cho hộ ông D theo quy định của Luật Đất đai.

Theo Biên bản kiểm đếm nghiệm thu kê khai tài sản của 01.BB ngày 20/12/2013 có ghi nhận hộ ông D có diện tích nuôi trồng thủy sản nhờ vụ 83,5 ha cá gồm 76,5 ha cá thịt, 07 ha cá giống, thu hoạch vào tháng 05 hàng năm. Ngày 15/11/2013 Công ty thủy lợi ST đã có Thông báo đề nghị có kế hoạch đánh bắt, thu hồi sản phẩm để thanh lý hợp đồng đối với hộ ông Nguyễn Đình D để bàn giao hồ trước ngày 31/12/2013 (không đủ thời hạn thông báo trước 03 tháng như quy định trong hợp đồng). Hộ ông D đã thực tế bàn giao hồ cho Công ty Thủy Lợi ST đúng thời hạn vào ngày 31/12/2013. Theo xác nhận của Công ty thủy lợi ST thì theo chu kỳ điều tiết nước hàng năm vào thời điểm tháng 12 là mùa tích nước nên không thuận lợi cho việc đánh bắt cá. Thực tế thì khi ông D bàn giao hồ cho Công ty thủy lợi ST thì mực nước hồ lớn, cá chưa đến thời kỳ thu hoạch trái vụ. Ông D có thuê người đánh bắt cá thì số lượng cá thu được cũng không đủ để thanh toán tiền thuê nhân công bắt cá, thiệt hại cho người có tài sản thực tế. Ông D có hồ sơ vay vốn

Ngân hàng Nông nghiệp tháng 5/2013 để mua các giống với số tiền 900 triệu đồng, có hợp đồng mua cá giống, hợp đồng mua thức ăn cũng như chi trả tiền công lao động cho công nhân tham gia nuôi cá.

Việc Ủy ban nhân dân huyện T cho rằng ngày 31/12/2013 hợp đồng giao thầu của ông Nguyễn Đình Anh D với Công ty TNHH MTV Thủy Lợi ST đã hết hạn nhưng ngày 15/10/2015 hai bên mới thanh ký hợp đồng nên ông D có nhiều thời gian để đánh bắt thu hoạch cá, không bị thiệt hại lúa cá đang thả nên không bồi thường hỗ trợ là không có cơ sở, không phù hợp với thực tế việc thực hiện hợp đồng thuê mặt nước và thu hồi diện tích mặt nước thực hiện dự án. Cần xác định chính xác thời điểm ngày bàn giao mặt bằng 31/12/2013 là ngày ông D đã chấm dứt việc sử dụng mặt nước. Bởi việc thanh lý hợp đồng thuê mặt nước có thể thực hiện sau, nhưng việc bàn giao mặt bằng được thực hiện nghiêm chỉnh theo yêu cầu để Công ty thủy lợi bàn giao mặt bằng thực hiện dự án xây dựng khu công nghệ cao H đúng tiến độ.

Điểm b khoản 2 điều 90 Luật đất đai 2013 quy định: *Khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản thì việc bồi thường thực hiện theo quy định sau đây: ...*

*b) Đối với vật nuôi là thủy sản mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm; trường hợp có thể di chuyển được thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra; mức bồi thường cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.*

Ông D khiếu nại về nội dung Ủy ban nhân dân huyện T không bồi thường, hỗ trợ 01 vụ cá bị lỡ khi nhà nước thu hồi của hộ ông Nguyễn Đình Anh D để thực hiện dự án xây dựng khu Công nghệ cao H là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường, hỗ trợ sản lượng cá bị lỡ vụ diện tích 83,5ha, bồi thường hỗ trợ khối lượng 6784,8m<sup>3</sup> theo đúng quy định của pháp luật về áp giá mã hiệu đơn giá đắp đê, đắp bờ kênh bằng thủ công.

**[3.2] Nội dung phê duyệt chưa đúng đơn giá theo quy định đối với 6.784,8m<sup>3</sup> đào đắp.**

Ngày 20/12/2013, hộ ông D kê khai kiểm đếm một số tài sản vật kiến trúc trên đất của Công ty TNHH MTV Thủy lợi ST. Trong đó có 6.784,8m<sup>3</sup> đào đắp kè bờ (được ghi nhận tại Biên bản kiểm đếm số 01/BB-TCT ngày 20/12/2013 của Tổ công tác GPMB). Căn cứ điều 11, Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội do Luật đất đai năm 2013 và các nghị định của Chính phủ giao cho về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội. Ngày 19/12/2016, Ban bồi thường GPMB huyện có Tờ trình số 584/TTr-BBTGPMB đề nghị thẩm định phương án chi tiết bồi thường,

hỗ trợ về tài sản, cây, hoa màu của hộ ông D đầu tư xây dựng trên đất nhận thầu của Công ty TNHH MTV Thủy Lợi ST nằm trong chỉ giới GPMB khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ GPMB cho toàn bộ phần diện tích khu Công nghệ cao H trên địa bàn huyện T, thành phố Hà Nội (Thuộc nguồn vốn trái phiếu Chính phủ - ODA địa bàn xã TX): Trong đó, phần đào đắp kè bờ 6.784,8m<sup>3</sup> thể hiện số tiền là: 25.125.169 đồng. Ngày 20/12/2016, phòng Quản lý đô thị huyện T có Phiếu thẩm định tài sản vật kiến trúc số 791/PTĐ-QLĐT (chấp thuận số kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với phần đào đắp kè bờ 6.784,8m<sup>3</sup> theo Tờ trình số 584/TTr-BBTGPMB ngày 19/12/2016 của Ban bồi thường GPMB huyện). Căn cứ kết quả thẩm định của Phòng quản lý đô thị huyện, Ban bồi thường GPMB huyện đã tổng hợp và tham mưu cho Hội đồng công khai dự thảo phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với hộ ông D. Quá trình công khai phương án dự thảo, hộ ông D không có ý kiến gì về nội dung này. Căn cứ kết quả công khai, Hội đồng đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 14708/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với tài sản do hộ ông D được phê duyệt số tiền 25.125.169 đồng đối với khối lượng 6.784,8m<sup>3</sup> đào đắp kè bờ (ngày 17/01/2017, hộ ông Nguyễn Đình D đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ: 25.125.169 đồng theo Phiếu chi số TT106).

Tuy nhiên, sau khi kiểm tra, rà soát lại hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đối với 6.784,8m<sup>3</sup> đào đắp kè bờ khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông D, Trung tâm phát triển quỹ đất và phòng Quản lý đô thị huyện T xác định trong quá trình sử dụng phần mềm chuyên ngành để tính toán áp giá, thẩm định đã nhầm mã đơn giá theo quy định của thành phố Hà Nội tại thời điểm phê duyệt, cụ thể: Mã đơn giá đã áp dụng: BB.1242 theo Quyết định số 24/1999/QĐ-UB ngày 15/4/1999 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng cơ bản thành phố Hà Nội. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 606/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã thừa nhận khiếu nại của ông D về nội dung này là đúng, sau đó xác định Mã đơn giá đúng phải áp dụng là AB.65110 theo Quyết định số 5481/QĐ-UBND ngày 24/11/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố đơn giá xây dựng công trình thành phố Hà Nội - Phần xây dựng.

Hội đồng xét xử nhận định việc Ủy ban nhân dân huyện T đồng ý chấp thuận có sự nhầm lẫn và đưa ra đơn giá áp dụng mới là AB65110 theo quyết định 5481/QĐ-UBND ngày 24/11/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về đơn giá xây dựng cơ bản thành phố Hà Nội theo như mã hiệu đơn giá AB65110 là hạng mục đắp đất bằng đầm cóc là không đúng và với đơn giá tính 3.000.000đ /100m<sup>3</sup> không phù hợp thực tế gây thiệt thòi cho hộ gia đình ông D.

Trên thực tế là thi công đắp đê ngăn nước áp lực lớn, vận chuyển đất bằng thủ công cự ly dài nhất 400m san gạt, làm ta luy theo đúng yêu cầu kỹ thuật đất cấp 3 không phải đất thông thường, yêu cầu kỹ thuật cao hơn đắp đất bằng đầm cóc.

Ông D đề nghị áp dụng quyết định 5481/QĐ-UBND ngày 24/11/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thỏa mãn áp mã hiệu đơn giá AB13200 (Đắp đê, đắp bờ kênh mương bằng thủ công). Mã hiệu áp giá tính theo quy định AB13211 = 113.500đ/m<sup>3</sup>. Do việc đắp đê dài cự ly xa nhất 400m dài vận chuyển đất bằng thủ công, áp dụng mã hiệu AB11900 phù hợp với mã hiệu đơn giá AB11913 = 6.969m<sup>3</sup>.

Tổng 2 mã hiệu áp dụng đơn giá:

AB 13211 = 113.500đ/m<sup>3</sup> và AB 11913 = 6.696đ/m<sup>3</sup>

Cộng tổng 2 mã = 120.469đ/m<sup>3</sup>

Nhận định này của hội đồng xét xử là có cơ sở, chính vì vậy nội dung ông D khiếu nại việc Ủy ban nhân dân huyện T phê duyệt chưa đúng đơn giá theo quy định đối với 6.784,8m<sup>3</sup> đào đắp đê là có căn cứ để chấp nhận vì thỏa mãn các điều kiện để áp dụng đơn giá như nội dung khiếu nại của ông D.

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D về nội dung hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 606/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về nội dung này và buộc Ủy ban nhân dân huyện T phải phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ bổ sung với mã hiệu đơn giá như phân tích của Hội đồng xét xử.

### **[3.3] Về yêu cầu phê duyệt bồi thường hỗ trợ trạm biến áp (TBA) và đường dây điện cho hộ ông D.**

Trên cơ sở nhu cầu phục vụ sinh hoạt cho nhân dân khu vực Khoang Dong, Khoang Ấp xã TX, sự cho phép của Ủy ban nhân dân xã TX, Công ty điện lực I Điện lực Hà Tây, năm 2002 ông Nguyễn Đình Anh D đã tự bỏ kinh phí xây dựng 01 trạm biến áp và hệ thống đường dây hạ thế để mua điện của ngành điện lực bán phục vụ nhân dân khu vực vùng kinh tế mới, trong đó có hộ ông D.

Ngày 09/2/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây ban hành Quyết định số 404/QĐ-UBND thu hồi 1.298,86 ha thuộc địa bàn các xã Thạch Hòa, Hạ Bằng, TX, Bình Yên huyện T, giao cho BQL khu công nghệ cao H quản lý, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng Khu CNC H.

Tại Biên bản kiểm đếm số 543.BBKĐ ngày 31/10/2007 về tài sản trạm điện và đường dây dẫn điện, Ủy ban nhân dân huyện T đã tiến hành kiểm đếm tài sản trên đất khu vực bị thu hồi tại xã TX và tiến hành thu hồi đất. Những hộ dân thuộc diện thu hồi nằm trong khu vực xây dựng kinh tế mới có sử dụng nguồn điện từ trạm biến áp đã dần dần bàn giao mặt bằng cho dự án. Năm 2007, có 72 hộ dân sử dụng điện, do phải bàn giao mặt bằng cho Ban quản lý dự án công nghệ cao H nên các hộ sử dụng điện đã giảm dần và đến ngày 01/8/2014 chỉ còn 26 hộ sử dụng điện. Như vậy việc giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án khu công nghệ cao H đã thực tế ảnh hưởng đến việc khai thác sử dụng trạm điện từ những năm 2007 khi

mà trạm điện chỉ mới được xây dựng 05 năm. Vì vậy khi thu bồi thường hỗ trợ đối với trạm điện cần xem xét cân nhắc khi công trình trạm điện là công trình sử dụng lâu dài, từ những năm 2007 – 2008 đã có những ảnh hưởng do bị thu hồi đất chứ không phải đến những năm sau này khi bàn giao thực tế mặt bằng mới tính bị thiệt hại và tính khấu hao vào thời điểm này.

Khoản 3 điều 89 Luật đất đai 2013 quy định: *Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn liền với đất đang sử dụng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì mức bồi thường tính bằng giá trị xây dựng mới của công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.*

Điều 12 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND TP Hà Nội và niên hạn sử dụng công trình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính.

Mặt khác Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Duy Khánh thực hiện công tác Khảo sát, lập thiết kế, dự toán bao gồm các nội dung công việc phải thực hiện theo quy định tại Luật xây dựng năm 2014; Nghị định số 46/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Bộ Xây dựng về việc quản lý chất lượng công trình xây dựng để lập dự toán công trình trạm biến áp và hệ thống đường dây hạ thế do hộ ông Nguyễn Đình Anh D xây dựng giá trị 4.033.180.838 đồng, kinh phí tư vấn lập dự toán là 142.950.324 đồng.

Theo giá trị thẩm định tại văn bản số 5831/SCT-QLNL ngày 11/11/2016 của Sở công thương Hà Nội thì giá trị xây mới công trình là 2.691.928.389 đồng.

Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện T phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ trạm biến áp và đường điện tại Quyết định số 12107/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 do hộ gia đình ông D đầu tư xây dựng nằm trong chỉ giới giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu Công nghệ cao H, thể hiện:

- Tổng giá trị thẩm định xây mới công trình: 2.691.928.000 đồng
- Kinh phí bồi thường hỗ trợ: 1.370.819.000 đồng (50,92%) giá trị công trình. Tuy nhiên, việc Quyết định số 12107/QĐ-UBND lại sử dụng kinh phí bồi thường hỗ trợ cho hộ ông D để thanh toán cho Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Duy Khánh số tiền 142.950.324 đồng chi phí khảo sát, thiết kế, lập dự toán và chi phí thẩm định thiết kế dự toán Sở Công thương hưởng: 6.395.234 đồng sau đó mới chi trả tiền bồi thường cho ông D là chưa phù hợp bởi chi phí này phải do thuộc nguồn tiền của Dự án. Do vậy, nội dung khiếu nại này của ông D có cơ sở để chấp nhận.

Từ phân tích, nhận định và đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để xác định Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T giải quyết khiếu nại không đúng đối với các nội dung khiếu nại mà ông D đã khởi kiện ra Tòa án. Do vậy, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều

193 Luật Tổ tụng hành chính xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Anh D.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông D không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính và Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính.

Từ nhận định trên,

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; Khoản 1, Điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; Điều 345; Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 62, 66, 69, 71, 74, 75, 88, khoản 3 điều 89, điểm b khoản 2 điều 90 Luật đất đai 2013; điều 18 Luật Khiếu nại.

Luật Phí và Lệ phí và Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1/ Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Anh D, cụ thể:

Hủy một phần các Quyết định hành chính sau: Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại; Một phần Quyết định số 14708/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng tài sản trên đất, mặt nước thuê thầu của Công ty TNHH MTV Thủy lợi ST và một phần Quyết định số 12107/QĐ – UBND ngày 29/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng trạm biến áp và đường điện do hộ ông Nguyễn Đình Anh D đầu tư xây dựng trên đất được giao nằm trong chỉ giới giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho toàn bộ phân diện tích khu Công nghệ cao H trên địa bàn huyện T, thành phố Hà Nội (thuộc nguồn vốn trái phiếu chính phủ - ODA, địa bàn xã TX) về các nội dung không bồi thường, hỗ trợ thiệt hại 01 vụ cá bị lờ khi nhà nước thu hồi đất, phần bồi thường, hỗ trợ bổ sung công trình trạm điện và toàn bộ hệ thống đường dây tải điện.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định phê duyệt bồi thường hỗ trợ bổ sung tài sản bị thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản cho hộ gia đình ông Nguyễn Đình Anh D là 01 vụ cá bị lờ vụ tại hồ cá TX năm 2013 với diện tích 83,5 ha; phê duyệt bồi thường hỗ trợ bổ sung phần công trình trạm điện cùng toàn bộ hệ

thống đường dây tải điện; phê duyệt bồi thường, hỗ trợ bổ sung đơn giá 6.784,8m<sup>3</sup> đào đắp kè bờ bằng thủ công theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Anh D về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường hỗ trợ đối với diện tích đất khai hoang 5.560m<sup>2</sup>, bồi thường khối lượng đắp đê cho gia đình ông Nguyễn Đình Anh D 1.011,98m<sup>3</sup> và yêu cầu bồi thường về việc chậm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ gây thiệt hại cho gia đình ông D

3/ Về án phí hành chính sơ thẩm, ông Nguyễn Đình Anh D không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm nên được hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0000003 ngày 01/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Ủy ban nhân dân huyện T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

4/ Ông Nguyễn Đình Anh D, bà Hoàng Thị T, anh Nguyễn Đình H và anh Nguyễn Đình Đ ( do ông D đại diện ủy quyền) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện T, Ủy ban nhân dân xã TX, Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi ST vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ/ VPTA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Lam**





